

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-PT

Ngày 16-12-2020

*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và lối đi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử Pc thẩm C1 khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Pc thẩm số 95/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- N đơn: Mông Văn A (đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của N đơn:

+ Nông Thị V (vợ của ông A)

+ Mông Văn P (con trai ông A)

+ Mông Văn Q (con trai ông A)

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng

+ Mông Thị Khánh V1 (con gái của ông Mông Văn A)

Địa chỉ: Xã L, huyện A1, tỉnh Cao Bằng

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của N đơn: Bà Mông Thị S

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Người bảo vệ quyền và L1 ích hợp pháp của N đơn: Luật sư Hoàng Thị Liên, cộng tác viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng; Có mặt

- *Các Bị đơn:* + Nguyễn Văn N; Có mặt

+ Nguyễn Văn H; Vắng mặt

+ Nguyễn Trung C1; Có mặt

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T1: Ông Ngô Thế M – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1; Có mặt

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã T: Ông Lương Ngọc M1 – Phó bí thư Đảng ủy xã Trong Con, huyện T1; Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nông Ngọc Đ1; Vắng mặt

2. Ông Triệu Văn L1; Vắng mặt

3. Ông Triệu Văn H1; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Mông Văn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của N đơn bà Mông Thị S trình bày: gia đình ông A, bà S có thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện tích 365,5m² đã được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V387064, cấp ngày

18/7/2002 đứng tên hộ ông Mông Văn A. Thửa đất có nguồn gốc là nền nhà cũ của bố mẹ ông A dựng nhà ở, đến trước năm 1960 bố mẹ ông A chuyển nhà đến chỗ ở hiện tại thuộc thửa số 3, tờ bản đồ số 59, diện tích 386,9m² đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V387064, cấp ngày 18/7/2002 đứng tên hộ ông Mông Văn A, địa chỉ thửa đất: X, xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng. Khi nhà nước cho phép các hộ gia đình kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, hộ gia đình ông A là người đi kê khai đất và được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 có đúng vị trí đất mà ông đã kê khai. Khi nhà nước cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất năm 2009 ông A là người đi kê khai đất và hiện nay gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 đối với các thửa đất khác. Nhưng đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 ông có được kê khai hay không và có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 chưa ông A không nhớ.

Đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ 58, diện tích 365,5m² gia đình (bố, mẹ) ông quản lý, sử dụng dựng nhà ở từ lâu, đến khi bố mẹ ông chuyển nhà dựng chỗ khác thì gia đình ông trồng cây ăn quả và dựng chuồng trâu, đến năm 2018 hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 làm đường đổ bê tông qua thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 nên ông A đã ngăn cản không cho các hộ trên làm đường nhưng các hộ trên vẫn tiếp tục đổ bê tông làm đường, trước sự ngăn cản của ông A thì các hộ ông N, C1 đã yêu cầu UBND xã T hòa giải, UBND xã T đã tiến hành hòa giải 04 lần, cả 04 lần hòa giải UBND xã T vẫn cho các hộ gia đình trên tiến hành đổ bê tông làm đường, ông A cả 04 lần đều không nhất trí cho các hộ tiếp tục đổ bê tông mặt đường đi qua thửa đất số 2, tờ bản đồ 58.

Tại phiên tòa: ông A, bà S khẳng định con đường đi vào nhóm hộ gia đình và đường nhánh ra đồng ruộng nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 nên yêu cầu các hộ gia đình trên dọn sạch sẽ bê tông mặt đường, lấp lại mặt đường nhánh ra đồng ruộng và không cho các hộ gia đình trên đi lại trên con đường này mà phải mở đường đi qua vị trí đất khác. Ngoài ra ông A, bà S không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng, các bị đơn Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung C1 trong quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày: Về nguồn gốc đất con đường đi vào nhóm hộ gia

đình chúng tôi từ thời còn HTX là đất dựng chuồng trâu của thôn X, đến năm 1987-1988 HTX giải thể đã trả lại cổ phần (Trâu) mà gia đình chúng tôi đã đóng góp, do gia đình chưa dựng được chuồng trâu nên vẫn sử dụng chuồng trâu cũ của HTX, đến khi chuồng trâu của HTX mục nát thì ông A mới dựng chuồng trâu mới tại vị trí đất sát phía trên mặt đường đi lại hiện nay gia đình ông A vẫn đang sử dụng.

Con đường hiện tại đi vào nhà các hộ gia đình chúng tôi và con đường nhánh đi ra đồng ruộng đã có từ lâu, các hộ gia đình trong xóm cũng sử dụng con đường này đi lại ra đồng ruộng, đến năm 2018 Nhà nước có chương trình xây dựng Nông thôn mới, đổ bê tông đường làng, ngõ xóm các hộ gia đình chúng tôi đã đăng ký và được Nhà nước hỗ trợ xi măng để làm đường vào nhà, khi các hộ gia đình chúng tôi đổ bê tông làm đường thì ông A cản trở không cho nhóm hộ chúng tôi đổ bê tông mặt đường. Sự việc này ông N đã đến UBND xã T hỏi cán bộ Địa chính xã và xem bản đồ, thì được trả lời con đường đi vào nhà chúng tôi không nằm trên đất có trong bìa đồ của ông A mà nằm trên đất của cộng đồng do UBND xã T quản lý, nhưng ông A vẫn cố tình ngăn cản nhóm hộ chúng tôi đổ bê tông mặt đường, sau đó ông N lại đề nghị UBND xã T đến thực địa con đường giải quyết và xác định con đường nằm trên đất của cộng đồng và vẫn cho phép chúng tôi đổ bê tông mặt đường. Nhưng ông A không đồng ý mà vẫn ngăn cản tranh chấp đất con đường với các hộ gia đình chúng tôi.

Nay ông A, bà S yêu cầu chúng tôi dọn sạch bê tông mặt đường, lấp lại mặt đường nhánh và không cho các hộ gia đình chúng tôi đi lại trên con đường này mà phải mở đường đi qua chỗ khác, chúng tôi không nhất trí, chúng tôi khẳng định con đường vào nhà chúng tôi và con đường nhánh đi ra đồng ruộng đã có từ lâu và không nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 của gia đình ông A mà nằm trên đất của cộng đồng do UBND xã T quản lý. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho các hộ gia đình chúng tôi vẫn được sử dụng con đường vào nhà và đường nhánh ra đồng ruộng như trước và yêu cầu ông A không được cản trở các hộ gia đình chúng tôi khi Nhà nước hỗ trợ vật liệu làm đường thì chúng tôi vẫn tiếp tục đổ bê tông mặt đường, khi chúng tôi thi công đổ bê tông mặt đường gia đình ông A không được cản trở. Ngoài ra chúng tôi không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T1 đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất, kết quả cho thấy thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện

tích 365,6 m², đo vẽ tháng 8 năm 2001, tại X (V), xã T, huyện T1, thửa đất ông A vẫn đang quản lý cụ thể ông A đã san ủi và dựng các cột bê tông. Tờ bản đồ tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Mông Văn Trung đang trồng ngô; Phía tây giáp đường liên thôn X - B; Phía Đông và phía Nam giáp đất nông nghiệp gia đình ông A. Đối chiếu tờ bản đồ số 58 đo vẽ tháng 8 năm 2001 với tờ bản đồ số 127 đo vẽ tháng 3 năm 2009, thì thửa đất số 2, diện tích 365,5 m², tờ bản đồ số 58 đo vẽ tháng 8 năm 2001 tương ứng với thửa đất số 152, diện tích 423 m² tại tờ bản đồ số 127 đo vẽ tháng 3 năm 2009. Đã được UBND huyện T1 cấp GCNQSD đất số sổ AP 443468, ngày vào sổ địa chính 23 tháng 11 năm 2009 mục đích sử dụng đất ở đứng tên ông Mông Văn A và bà Nông Thị V.

Đất làm đường bê tông một phần con đường nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1, vị trí đang tranh chấp, chiều dài đo được là 42,8 m, chiều rộng 1,2 m và một phần con đường nằm trên thửa đất số 259 tờ bản đồ số 127, đo đạc năm 2008.

Đoạn đường chưa đổ bê tông: Từ đường liên thôn X – B đến giáp đoạn đường đổ bê tông đo được chiều dài là 82, chiều rộng 1m – 1,2 m, nằm tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 127, đất thuộc UBND xã T quản lý.

Con đường nhánh ra đồng ruộng (đất đỏ) dài 29 m, rộng 0,8 m nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1.

Sau khi xem xét thẩm định đất xác định con đường đi vào nhóm hộ gia đình và đường nhánh ra đồng ruộng không nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 mà con đường nằm sát với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 58 diện tích 1483,6 m².

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 Toà án nhân dân huyện T1 đã có văn bản số: 236/2020/CV-TÂM, xin ý kiến UBND huyện T1 về đất tranh chấp (con đường) giữa N đơn Mông Văn A người được ủy quyền Mông Thị S và các bị đơn Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung C1, ngày 13/7/2020 UBND huyện T1 trả lời bằng văn bản số: 735/UBND-TNMT như sau:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện tích 365,5 m² cho hộ gia đình ông Mông Văn A đúng theo trình tự quy định của luật đất đai năm 1993.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông A không có sự nhầm lẫn về vị trí, thửa đất, không có sự nhầm lẫn về phần đất giáp ranh.

Ông Mông Văn A làm đơn xin cấp GCNQSD đất năm 2002 đối với thửa đất trên là không có sự tranh chấp.

Ông Mông Văn A được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp GCNQSD đất số: V 387064, cấp ngày 18 tháng 7 năm 2002 đứng tên ông Mông Văn A tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện tích 365,5 m² là đúng theo đơn kê khai không có sự nhầm lẫn.

Ông Mông Văn A khởi kiện các hộ gia đình ông N, ông H, ông C1 tranh chấp về con đường đi lại hàng ngày không thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 (đo đạc năm 2001) là sai không có cơ sở.

Ông A khai gia đình ông chưa được cấp GCNQSD đất mới năm 2009 là không đúng qua kiểm tra trên bản đồ và đối chiếu với hồ sơ địa chính, sổ cấp GCNQSD đất được lưu trữ tại phòng. Hộ ông A năm 2008 có kê khai cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất nông nghiệp và đất ở nông thôn. Được UBND huyện T1 cấp GCNQSD đất số AP 443468, cấp ngày 23 tháng 11 năm 2009 cho hộ gia đình ông Mông Văn A, thôn X (nay là V) xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 29/7/2020 Tòa án nhân dân huyện T1 tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận C1 khai chứng cứ và hòa giải. Ông A vẫn khẳng định con đường đi vào nhóm hộ gia đình ông N, ông H, ông C1 nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, đo đạc năm 2001 chứ không phải một phần con đường nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1 và một phần con đường nằm trên thửa đất số 259 tờ bản đồ số 127, đo đạc năm 2008, ông yêu cầu các hộ gia đình trên dọn sạch bê tông mặt đường, lấp lại mặt đường nhánh tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 và không cho các hộ gia đình trên đi lại trên con đường này mà phải mở đường đi qua chỗ khác. Đối với các bị đơn Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 không nhất trí với yêu cầu của ông A, chúng tôi khẳng định con đường vào nhà chúng tôi và con đường nhánh đi ra đồng ruộng đã có từ lâu và không nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 của gia đình ông A mà nằm trên đất của cộng đồng do UBND xã T quản lý. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho các hộ gia đình vẫn được sử dụng con đường vào nhà và đường nhánh ra đồng ruộng như trước và khi Nhà nước hỗ trợ vật liệu làm đường yêu cầu ông A không được cản trở các hộ gia đình chúng tôi thì C1 đổ bê tông mặt đường.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện T1: Căn cứ hồ sơ địa chính và trên bản đồ địa chính đất thổ cư của xã T, huyện T1, diện tích đất tranh chấp là con đường

qua xem xét thực địa thửa đất so với bản đồ đất thổ cư xã T thấy con đường đi không nằm trong thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, đất của hộ ông Mông Văn A. Ông Mông Văn A tranh chấp với các hộ gia đình ông N, ông H, ông C1 về con đường đi lại vào nhóm hộ gia đình và đường đi ra đồng ruộng không thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 (đo đạc năm 2001) là sai không có cơ sở. Bởi con đường đi một phần nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1 bản đồ đo đạc năm 2005 cấp GCNQSD đất năm 2006 và một phần nằm trên thửa đất số 259, tờ bản đồ số 127, bản đồ cơ sở giữ liệu năm 2008.

Việc cấp lại cấp đổi GCNQSD đất năm 2009: Ông A khai gia đình ông chưa được cấp GCNQSD đất mới năm 2009 là không đúng qua kiểm tra trên bản đồ và đối chiếu với hồ sơ địa chính, sổ cấp GCNQSD đất được lưu trữ tại phòng. Hộ ông A năm 2008 có kê khai cấp lại, cấp đổi GCNQSD đất nông nghiệp và đất ở nông thôn. Được UBND huyện T1 cấp GCNQSD đất số AP 443468, cấp ngày 23 tháng 11 năm 2009 cho hộ gia đình ông Mông Văn A, thôn X (nay là V) xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1: Căn cứ hồ sơ địa chính và trên bản bản đồ địa chính đất thổ cư của xã T, huyện T1 Phần đất tranh chấp con đường qua xem xét thực địa thửa đất so với bản đồ đất thổ cư xã T thì con đường đi không nằm trong GCNQSD đất của hộ ông Mông Văn A. Việc ông A ngăn cản các hộ gia đình không cho sử dụng con đường đi vào nhà và con đường nhánh đi ra đồng ruộng của các hộ gia đình ông N, ông H, ông C1 là vi phạm pháp luật.

Người làm chứng: Khi Tòa án xác M1 thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa người làm chứng xác định: Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, đo đạc năm 2001 vị trí là tại thửa đất mà hiện nay gia đình ông A đã san ủi và dựng cột xi măng chứ không phải nằm tại vị trí con đường đi vào nhóm hộ các gia đình và con đường nhánh ra đồng ruộng, mà con đường nằm trên đất cộng đồng do UBND xã T quản lý.

Người bảo vệ quyền và L1 ích hợp pháp cho N đơn có ý kiến và yêu cầu:

Ông Mông Văn A có thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, được UBND huyện cấp GCNQSD đất năm 2002 là đất ở, địa chỉ X (nay là V), xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng. Năm 2018 các hộ gia đình ông N, ông Huyện, ông C1 tự ý cuộc đất làm đường qua thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 của gia đình ông, ông đã yêu cầu

thôn, UBND xã hòa giải quyết nhưng không thành, ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các hộ gia đình trên cuộc bê tông lấp lại đất mặt đường và chuyển con đường sang vị trí đất khác.

Khi giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất con đường không qua thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 của gia đình ông A.

Đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ 58 ông A đã san ủi mở rộng diện tích và hiện trạng đất hiện nay ông A đã dựng cột Bê tông để dựng nhà ở và xác định tứ cận thửa đất.

Khi Nhà nước cấp lại cấp đổi GCNQSD đất năm 2009 ông A đã kê khai toàn bộ đất đai và được UBND huyện T1 cấp GCNQSD đất năm 2009. Thì thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 tương ứng với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 127.

Nhưng ông A vẫn cho rằng thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 là vị trí đất mà hiện nay các hộ gia đình sử dụng làm đường và có yêu cầu các hộ gia đình trả lại đất làm đường cho gia đình ông A.

Với những căn cứ như trên yêu cầu Tòa án căn cứ vào luật đất đai để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ các Điều 98,99, Điều 100, 166, 171 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

Về đường đi: Chấp nhận yêu cầu của nhóm hộ gia đình Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 được sử dụng đi lại trên con đường từ đường nội thôn X - B (địa danh cũ nay là V) đến nhà nhóm hộ gia đình trên và con đường ra đồng ruộng.

Buộc N đơn Mông Văn A phải chấm dứt hành vi ngăn cản nhóm hộ gia đình trên thi C1 làm đường bê tông và việc đi lại hàng ngày trên con đường đi vào nhà và đường đi ra đồng ruộng của nhóm hộ gia đình Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1.

Bác yêu cầu của ông Mông Văn A người được ủy quyền Mông Thị S yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất đường đi của nhóm hộ gia đình và yêu cầu các hộ gia đình mở con đường sang vị trí đất khác.

Tứ cận tiếp giáp: Con đường đi vào nhà nhóm hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 và đường ra đồng ruộng đều nằm trong thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1 và thửa đất 259, tờ bản đồ số 127, đất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng quản lý.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2020 ông Mông Văn A có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm số 05/2020/TCDS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mông Văn A yêu cầu Tòa án cấp Pc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa Phúc thẩm các bị đơn Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 không nhất trí với kháng cáo của ông A. Các ông N, H, C1 cho rằng phần đất tranh chấp là của gia đình ông, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Phúc thẩm những người có quyền L1 nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên ý kiến trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa Phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa Phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của N đơn Mông Văn A không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2020/TCDS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Mông Văn A có đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C1 phải trả lại quyền sử dụng quyền sử dụng đất và lối đi tại xóm V, xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng. Cấp sơ thẩm đã thụ lý và xác định quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất và lối đi” là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 9 năm 2020 ông Mông Văn A có đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn luật định.

[2] Ông Mông Văn A khởi kiện đất đường đi đối với nhóm hộ gia đình ông N, ông H, ông C1. Ông A cho rằng con đường đi vào nhà và đường đi ra đồng ruộng của nhóm hộ gia đình trên là nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 đo vẽ tháng 8 năm 2001, Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà S yêu cầu nhóm hộ gia đình trên tháo dỡ đường bê tông dọn ra khỏi thửa đất và phân đường các ông tự cuộc mở đường ra đồng ruộng và đường đi vào nhà phải lấp lại đất như hiện trạng ban đầu, không cho các hộ gia đình trên đi lại con đường hiện tại mà phải mở đường sang vị trí đất khác. Ông N, ông H, ông C1 không nhất trí với yêu cầu trên của ông A mà yêu cầu được tiếp tục đổ bê tông mặt đường vào nhà khi Nhà nước có hỗ trợ vật liệu làm đường và yêu cầu được đi lại trên con đường vào nhà và con đường ra đồng ruộng, ông A không được ngăn cản việc đi lại, làm đường đối với nhóm hộ gia đình trên.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T1 cho thấy thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện tích 365,6 m², đo vẽ tháng 8 năm 2001, tại X (V), xã T, huyện T1, thửa đất ông A vẫn đang quản lý cụ thể ông A đã san ủi và dựng các cột bê tông. Tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Mông Văn Trung đang trồng ngô; Phía tây giáp đường liên thôn X - B; Phía Đông và phía Nam giáp đất nông nghiệp gia đình ông A. Đối chiếu tờ bản đồ số 58 đo vẽ tháng 8 năm 2001 với tờ bản đồ số 127 đo vẽ tháng 3 năm 2009, thì thửa đất số 2, diện tích 365,5 m², tờ bản đồ số 58 tương ứng với thửa đất số 152, diện tích 423 m² tại tờ bản đồ số 127 về vị trí thửa đất từ bản đồ so ra thực địa không thay đổi, nhưng diện tích đất có thay đổi bởi ông A đã thuê máy ủi san bằng thửa đất để dựng cột bê tông làm nhà. Xác định thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 tương ứng với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 127 đã được UBND huyện T1 cấp GCNQSD đất số sổ AP 443468, ngày vào sổ địa chính 23 tháng 11 năm 2009 mục đích sử dụng đất ở đứng tên ông Mông Văn A và bà Nông Thị V.

Đất làm đường bê tông một phần con đường nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1 đất lâm nghiệp đo đạc năm 2005, vị trí đang tranh chấp, chiều dài đo được là 42,8m; chiều rộng 1,2 m và một phần con đường nằm trên thửa đất số 259 tờ bản đồ số 127, đo đạc năm 2008.

Đoạn đường chưa đổ bê tông: Từ đường liên thôn X - B đến giáp đoạn đường đổ bê tông đo được chiều dài là 82m, chiều rộng 1m đến 1,2m, nằm tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 127 đất thuộc UBND xã T quản lý.

Con đường nhánh ra đồng ruộng (đất đỏ) dài 29m; rộng 0,8m nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1 đất lâm nghiệp đo đạc năm 2005.

Sau khi xem xét thẩm định đất xác định con đường đi vào nhóm hộ gia đình và đường nhánh ra đồng ruộng không nằm trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 bản đồ đo đạc năm 2001 tương ứng với thửa đất số 152, tờ bản đồ số 127 đo vẽ năm 2009 của gia đình ông A mà con đường nhánh đất đỏ đi ra đồng ruộng và một phần con đường nằm trên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1, một phần con đường nằm trên thửa đất số 259, tờ bản đồ số 127.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 Toà án nhân dân huyện T1 đã có văn bản số: 236/2020/CV-TÂM, xin ý kiến UBND huyện T1 về đất tranh chấp (con đường) giữa N đơn Mông Văn A, người được ủy quyền của N đơn là bà Mông Thị S và các bị đơn Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trung C1, ngày 13/7/2020 UBND huyện T1 trả lời bằng văn bản số 735/UBND-TNMT như sau:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện tích 365,5m² cho hộ gia đình ông Mông Văn A đúng theo trình tự quy định của luật đất đai năm 1993.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông A không có sự nhầm lẫn về vị trí, thửa đất, không có sự nhầm lẫn về phần đất giáp ranh.

Ông Mông Văn A làm đơn xin cấp GCNQSD đất năm 2002 đối với thửa đất trên là không có sự tranh chấp.

Ông Mông Văn A được Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp GCNQSD đất số V387064, cấp ngày 18 tháng 7 năm 2002 đứng tên ông Mông Văn A tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58, diện tích 365,5m² là đúng theo đơn kê khai không có sự nhầm lẫn.

Ông Mông Văn A khởi kiện các hộ gia đình ông N, ông H, ông C1 tranh chấp về con đường đi lại hàng ngày không thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 58 (đo đạc năm 2001) là không có cơ sở.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo của N đơn Mông Văn A, cần giữ N bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận giữ N bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông Mông Văn A không được chấp nhận nên ông A phải chịu chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí: ông Mông Văn A được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Điều 166, Điều 203 luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của N đơn Mông Văn A. Giữ N bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Cao Bằng.

2. Chấp nhận yêu cầu của nhóm hộ gia đình Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 được sử dụng đi lại trên con đường từ đường nội thôn X - B (nay là xóm V) đến nhà nhóm hộ gia đình trên và con đường ra đồng ruộng.

Buộc N đơn Mông Văn A phải chấm dứt hành vi ngăn cản nhóm hộ gia đình trên thi C1 làm đường bê tông và việc đi lại hàng ngày trên con đường đi vào nhà và đường đi ra đồng ruộng của nhóm hộ gia đình Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1.

Bác yêu cầu của ông Mông Văn A - người được ủy quyền Mông Thị S yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất đường đi của nhóm hộ gia đình và yêu cầu các hộ gia đình mở con đường sang vị trí đất khác.

Tứ cận tiếp giáp: Con đường đi vào nhà nhóm hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung C1 và đường ra đồng ruộng đều nằm trong thửa đất số 638, tờ bản đồ số 1 và thửa đất 259, tờ bản đồ số 127, đất do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng quản lý.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đất tranh chấp và lối đi ngày 20/5/2020 là 1.800.000,đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Xác nhận Mông Văn A - người được ủy quyền Mông Thị S đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định.

4. Về án phí: N đơn Mông Văn A là hộ nghèo của xã T, huyện T1, tỉnh Cao Bằng được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHA huyện T1;
- TÂMND huyện T1;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngôn Ngọc Viên